

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH,
NUÔI CON NUÔI, BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (11 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I. Lĩnh vực quốc tịch (05 TTHC)									
1.	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	105 ngày làm việc	82.5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	3.000.000 đồng (Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).		Một phần	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025.

									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025;
2.	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày làm việc	67.5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	2.500.000 đồng (Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025;
3.	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày làm việc	70.5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	2.500.000 đồng	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15;

										<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025;- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025.- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025;
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

4.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 53 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh thông thường; - 68 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh phức tạp 	<ul style="list-style-type: none"> - 26.5 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh thông thường; - 34 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh phức tạp 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	<p>100.000 đồng (miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã)</p>	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025 - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025;
5.	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc	- 18 ngày làm việc đối với trường hợp	- 14 ngày làm việc đối với trường hợp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố		Toàn trình		- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

		tịch Việt Nam ở trong nước	có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).	có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 26.5 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 34 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp)	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã				- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025
--	--	----------------------------	--	---	--	--	--	--	---

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi (01 TTHC)

6.	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày	Trong thời hạn 7.5 ngày, kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không	Toàn trình		- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;
----	----------	--	------------------------------------	-------------------------------------	---	-------	------------	--	--------------------------------

		<p>đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi</p>	<p>nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.</p>	<p>nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.</p>	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã</p>			<p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011;</p> <p>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025;</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016;</p>
--	--	---	--	--	---	--	--	---

- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.

III. Lĩnh vực hộ tịch (02 TTHC)

7.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 5 ngày làm việc)	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	8.000 đồng/bản (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
8.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	8.000 đồng/bản	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày

			hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.					11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
--	--	--	---	---	--	--	--	--	--

IV. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (02 TTHC)

9.	2.002193	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	2.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không		x	Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.
10.	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi	- Trường hợp có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản:	- Trường hợp có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản:	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không		x	Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ; Thông tư số 04/2018/TT-BTP;

		hành công vụ gây thiệt hại	89 ngày làm việc - Trường hợp chỉ yêu cầu phục hồi danh dự: 29 ngày làm việc	60 ngày làm việc - Trường hợp chỉ yêu cầu phục hồi danh dự: 17 ngày làm việc					Thông tư số 08/2025/TT- BTP ngày 12/6/2025.
--	--	-------------------------------	--	--	--	--	--	--	--

V. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý (01 TTHC)

11.	2.000829	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không quy định	x		- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Thông tư số 08/2017/TT- BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 12/2018/TT- BTP ngày 28/8/2018 - Thông tư số 03/2021/TT- BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT- BTP ngày 30/12/2022 - Thông tư số 10/2023/TT- BTP ngày 29/12/2023
-----	----------	-----------------------------	---	---	--	-------------------	---	--	--

			việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.	việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.					- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 11/2025/TT-BTP; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025
--	--	--	---	---	--	--	--	--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (40 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I. Lĩnh vực Hộ tịch (35 TTHC)									
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Miễn phí (ĐKKKS đúng hạn). - Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với	Toàn trình		Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số

			việc tiếp theo	việc tiếp theo		trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn lệ phí		Một phần	

			xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.					
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 10.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Toàn trình		

						- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Miễn phí (ĐKKK đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với	Toàn trình		

						cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Miễn lệ phí		Một phần	
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngày trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngày trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 8.000 đồng/lần (khai tử quá hạn). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày	

						- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình		
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với người thuộc gia đình có công với	Toàn trình		

						cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn lệ phí	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn lệ phí	Toàn trình		

									08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
11.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày làm việc)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	Toàn trình		- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số

									106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số

									106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp</p>	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p> <p>- 1.5 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>- 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	Toàn trình	<p>Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.</p>	

			phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc					
14.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	5.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục	Toàn trình		Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

						hành chính qua dịch vụ công trực tuyến - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018;
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có	Toàn trình		

			thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.		công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 30.000 đồng /lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Một phần	
18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp	2.5 ngày làm việc; trường hợp cần	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- 8.000	Toàn trình		

			cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	đồng /lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		

20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> - 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng 		Một phần	
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> - 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng 	Toàn trình		

			03 ngày làm việc)	quá 1.5 ngày làm việc					
22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> - 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng. 	Toàn trình		
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia 	Toàn trình		

						đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	2.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 1.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có	Toàn trình		

					- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 1,5 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 28.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		

			kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 3 ngày làm việc.					
27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số

									12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	Toàn trình		

		thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc		người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với	Toàn trình		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày

			thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày		cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
32.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	Một phần		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số

			không quá 25 ngày.	quyết không quá 12.5 ngày.		người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
33.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
34.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể	1.5 ngày làm việc. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	8.000 đồng/bản (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	Toàn trình		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày

			kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	kéo dài nhưng không quá 5 ngày làm việc)		người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến			15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
--	--	--	---	---	--	---	--	--	--

35.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	8.000 đồng/bản	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
-----	----------	---	--	--	---	----------------	------------	--

II. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)

36.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	22.5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	400.000đ/ trường hợp (Miễn lệ phí đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con	Một phần	Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; Nghị định số
-----	----------	---------------------------------------	---------	-----------	---	---	----------	---

						<p>riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định; người có công với cách mạng)</p>			<p>114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.</p>
--	--	--	--	--	--	---	--	--	---

37.	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<p>- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã</p>	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình	<p>Luật Hộ tịch 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26</p>
-----	----------	---	---	---	--	--	------------	--

									tháng 11 năm 2021; Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.
38.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày	5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	Toàn trình		Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.
III. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (01 TTHC)									
39.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không	Toàn trình		- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; Thông tư số

		động hòa giải ở cơ sở							09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
IV. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)									
40.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	38.5-43.5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.